

**CÔNG KHAI VỀ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ NHÀ NƯỚC GIAO  
VÀ PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2021**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPTQĐ ngày tháng năm 2021  
của Trung tâm Phát triển quỹ đất)

Đơn vị tính : đồng

| Stt      | Nội dung                                                                                                | TMĐT được duyệt        | TĐT được Duyệt | Lũy kế vốn đã cấp đến hết niên độ NS năm trước | Kế hoạch vốn ĐT được giao năm 2021 | Ghi chú                |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|----------------|------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| 1        | 2                                                                                                       | 3                      | 4              | 5                                              | 6                                  | 7                      |
|          | <b>Tổng số</b>                                                                                          |                        |                | <b>53.836.740.000</b>                          | <b>31.155.451.000</b>              |                        |
| I        | Vốn thiết kế quy hoạch                                                                                  |                        |                |                                                |                                    |                        |
| 1        | Dự án                                                                                                   |                        |                |                                                |                                    |                        |
| II       | Vốn chuẩn bị đầu tư                                                                                     |                        |                |                                                |                                    |                        |
| 1        | Dự án                                                                                                   |                        |                |                                                |                                    |                        |
| III      | Vốn thực hiện dự án                                                                                     |                        |                |                                                |                                    |                        |
| <b>A</b> | <b>Dự án nhóm A</b>                                                                                     |                        |                |                                                |                                    |                        |
| 1        | Dự án                                                                                                   |                        |                |                                                |                                    |                        |
| <b>B</b> | <b>Dự án nhóm B</b>                                                                                     | <b>143.779.508.000</b> |                | <b>53.836.740.000</b>                          | <b>31.155.451.000</b>              |                        |
| 1        | Dự án                                                                                                   | 143.779.508.000        | 0              | 53.836.740.000                                 | 31.155.451.000                     | 0                      |
| 1        | Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vực 7-8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn              | 106.300.000.000        |                | 48.015.822.000                                 | 29.807.796.000                     | Tạm ứng ngân sách tỉnh |
| 2        | HTKT Khu đất xí nghiệp Song mây xuất khẩu, phân viện điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên | 37.479.508.000         |                | 5.820.918.000                                  | 1.347.655.000                      | Tạm ứng ngân sách tỉnh |
| <b>C</b> | <b>Dự án nhóm C</b>                                                                                     |                        |                |                                                |                                    |                        |
|          |                                                                                                         |                        |                |                                                |                                    |                        |